

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 7 - 2021
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tiến Thán

2. Bà Nguyễn Thị Thêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 35/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1985

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã A, huyện Q1, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: thôn Đ1, xã Q2, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1989

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn Đ, xã A, huyện Q1, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang lao động tại Nhật Bản.

(Chị T, anh Q vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q1, tỉnh Thái Bình ngày 15/11/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống và làm việc tại Hưng Yên. Khoảng năm 2013, chị về quê sinh con, anh Q vẫn ở lại Hưng Yên. Ngày 01/5/2016, anh Q đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Thời gian đầu khi anh Q sang Nhật Bản, vợ chồng vẫn hạnh phúc, thường xuyên nhắn tin, gọi điện cho nhau. Nhưng từ tháng 7/2018, anh Q rất ít khi liên lạc với chị. Chị cố gắng liên lạc nhiều lần nhưng anh Q không trả lời. Đầu tháng 01/2019, anh Q có nhắn tin cho chị để thông báo anh đã chung

sống hạnh phúc với người phụ nữ khác và nói chị làm thủ tục ly hôn. Từ tháng 8 năm 2018 đến nay, anh Q không gửi tiền về cho chị nuôi con nữa. Hai bên gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh Q không nghe. Anh Q còn công khai lên mạng xã hội ảnh chụp với người phụ nữ khác như vợ chồng. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Chị và anh Q có 01 con chung là Nguyễn Thùy L sinh ngày 25/5/2013, hiện nay đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị và anh Q không có tài sản chung, không có nợ chung.

* Tại Văn bản trình bày ý kiến đề ngày 01/6/2021 gửi từ Nhật Bản đến Tòa án, bị đơn – anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị T. Anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Thùy L sinh năm 2013, anh đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng. Anh và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung. Anh Q đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

* Lời khai của bà Phạm Thị M, địa chỉ: thôn Đ, xã A, huyện Q1, tỉnh Thái Bình (là mẹ đẻ anh Q) thể hiện:

Anh Q và chị T tự nguyện kết hôn và có 01 con chung là Nguyễn Thùy L sinh năm 2013. Từ sau khi anh Q, chị T kết hôn đến khi anh Q đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, tình cảm vợ chồng bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn nhưng từ khi anh Q sang Nhật Bản một thời gian, anh Q có đăng tải ảnh anh Q chụp cùng với một người bạn gái. Chị T nhìn thấy và cho rằng anh Q có mối quan hệ ngoài vợ chồng với người phụ nữ trong ảnh nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Bà cũng đã nhắc nhở anh Q nhưng anh Q cho rằng giữa anh và chị T không có tình yêu, anh Q thừa nhận đã có bạn gái. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Nay vợ chồng anh Q chị T đã mâu thuẫn, gia đình bà cũng không thể níu kéo được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Q, chị T ly hôn theo quy định pháp luật và giao cháu Nguyễn Thùy L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Q; Giao 01 con chung Nguyễn Thùy L, sinh ngày 25/5/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: không đặt ra giải quyết; chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn – chị T, bị đơn – anh Q đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q1, tỉnh Thái Bình ngày 15/11/2012 – đây là hôn nhân hợp pháp.

Lời khai của chị T, anh Q và lời khai của bà Phạm Thị M là mẹ đẻ anh Q đều thể hiện vợ chồng đã mâu thuẫn kéo dài, chị T cho rằng anh Q ngoại tình, còn anh Q cho rằng vợ chồng không có tình cảm; chị T và anh Q mỗi người tự lo cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Chị T xin ly hôn, anh Q đồng ý. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T và anh Q ly hôn là phù hợp.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung là Nguyễn Thùy L, sinh ngày 25/5/2013, hiện nay đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Q hiện đang lao động ở nước ngoài; vì vậy cần chấp nhận đề nghị của chị T, anh Q, giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thùy L, sinh ngày 25/5/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T, anh Q có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005025 ngày 15 tháng 3 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án; anh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- UBND xã A, huyện Q1, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh